

ĐỀ ÔN TẬP HÈ TOÁN LỚP 4

ĐỀ SỐ 9

I. TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Rút gọn phân số $\frac{63}{72}$ ta được phân số:

A. $\frac{6}{7}$

B. $\frac{4}{5}$

C. $\frac{7}{8}$

D. $\frac{3}{8}$

Câu 2. Năm 1760 thuộc thế kỉ thứ mấy?

A. XIV

B. XVII

C. XVIII

D. XIX

Câu 3. Đổi 4 phút 18 giây = giây

A. 258

B. 224

C. 220

D. 280

Câu 4. Tổng của 4 số là 660. Trung bình cộng của 3 số đầu là 135. Hỏi số thứ tư là bao nhiêu?

A. 120

B. 255

C. 235

D. 250

Câu 5: Một hình chữ nhật có tổng độ dài hai cạnh liên tiếp là 65m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Diện tích

hình chữ nhật là:

A. 1700 m^2

B. 1050 m^2

C. 1014 m^2

D. 507 m^2

Câu 6: Trên bản đồ theo tỉ lệ 1: 1 000 000. Độ dài 2 cm ứng với độ dài thật là bao nhiêu?

A. 20 000 cm

B. 20 km

C. 2 m

D. 2 km

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Điền số thích hợp vào ô trống:

$$35\text{m}^2 9\text{dm}^2 = \dots \text{dm}^2$$

$$80\ 003 \text{ dm}^2 = \dots \text{m}^2 \dots \text{cm}^2$$

$$6 \text{ tấn } 12 \text{ kg} = \dots \text{ kg}$$

$$8026 \text{ kg} = \dots \text{ tạ } \dots \text{ kg}$$

Câu 2. Tính.

a) $\frac{3}{10} \times \frac{5}{12} + \frac{1}{3}$

b) $\frac{11 \times 14 \times 18}{9 \times 33 \times 7}$

Câu 3. Một cửa hàng bán vải. Ngày thứ nhất bán được nhiều hơn ngày thứ hai 63 mét vải. biết rằng số vải ngày sau bán bằng $\frac{5}{8}$ số vải ngày đầu bán được.

a) Hỏi mỗi ngày cửa hàng đó bán được bao nhiêu mét vải.

b) Nếu mỗi mét vải giá 75 000 đồng thì trong 2 ngày, cửa hàng đó thu được bao nhiêu tiền.

Câu 4. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 136 m. Tính diện tích thửa ruộng đó biết nếu tăng chiều rộng 8 m và giảm chiều dài 8 m thì thửa ruộng đó trở thành hình vuông.

Câu 5. Người ta dùng 234 chữ số để đánh số trang của một quyển sách kể từ trang 1. Hỏi quyển sách đó dày bao nhiêu trang?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

1. C	2. C	3. A	4. B	5. C	6. B
------	------	------	------	------	------

II. TỰ LUẬN

Câu 1.

Điền số thích hợp vào ô trống:

$$35\text{m}^2\ 9\text{dm}^2 = \dots\ \text{dm}^2$$

$$80\ 003\ \text{dm}^2 = \dots\text{m}^2\ \dots\text{cm}^2$$

$$6\ \text{tấn}\ 12\ \text{kg} = \dots\ \text{kg}$$

$$8026\ \text{kg} = \dots\ \text{tạ}\ \dots\ \text{kg}$$

Phương pháp giải

Áp dụng cách đổi: $1\ \text{m}^2 = 100\ \text{dm}^2$; $1\ \text{tấn} = 1000\ \text{kg}$

Lời giải chi tiết

$$35\text{m}^2\ 9\text{dm}^2 = \mathbf{3509\ \text{dm}^2}$$

$$80\ 003\ \text{dm}^2 = \mathbf{800\ \text{m}^2\ 300\ \text{cm}^2}$$

$$6\ \text{tấn}\ 12\ \text{kg} = \mathbf{6012\ \text{kg}}$$

$$8026\ \text{kg} = \mathbf{80\ \text{tạ}\ 26\ \text{kg}}$$

Câu 2

Tính.

$$\text{a) } \frac{3}{10} \times \frac{5}{12} + \frac{1}{3}$$

$$\text{b) } \frac{11 \times 14 \times 18}{9 \times 33 \times 7}$$

Phương pháp giải

a) Với biểu thức có phép nhân và phép cộng ta thực hiện phép nhân trước, thực hiện phép cộng sau.

b) Phân tích tử số và mẫu số thành tích của các thừa số chung rồi rút gọn.

Lời giải chi tiết

$$\text{a) } \frac{3}{10} \times \frac{5}{12} + \frac{1}{3} = \frac{3 \times 5}{10 \times 12} + \frac{1}{3} = \frac{3 \times 5}{5 \times 2 \times 4 \times 3} + \frac{1}{3} = \frac{1}{8} + \frac{1}{3} = \frac{3}{24} + \frac{8}{24} = \frac{11}{24}$$

$$\text{b) } \frac{11 \times 14 \times 18}{9 \times 33 \times 7} = \frac{11 \times 7 \times 2 \times 9 \times 2}{9 \times 3 \times 11 \times 7} = \frac{4}{3}$$

Câu 3.

Một cửa hàng bán vải. Ngày thứ nhất bán được nhiều hơn ngày thứ hai 63 mét vải. biết rằng số vải ngày sau bán bằng $\frac{5}{8}$ số vải ngày đầu bán được.

a) Hỏi mỗi ngày cửa hàng đó bán được bao nhiêu mét vải.

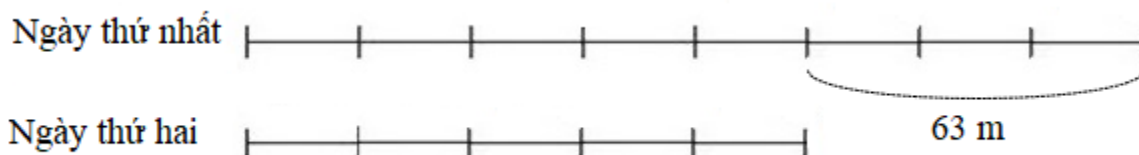
b) Nếu mỗi mét vải giá 75 000 đồng thì trong 2 ngày, cửa hàng đó thu được bao nhiêu tiền.

Phương pháp giải

- a) - Vẽ sơ đồ
 - Tìm hiệu số phần bằng nhau và giá trị của 1 phần
 - Tìm số mét vải mỗi ngày bán được.
- b) - Tìm tổng số mét vải bán trong hai ngày
 - Tìm số tiền thu được sau 2 ngày

Lời giải chi tiết

a) Ta có sơ đồ:



Hiệu số phần bằng nhau là

$$8 - 5 = 3 \text{ (phần)}$$

Số mét vải bán được trong ngày thứ hai là

$$63 : 3 \times 5 = 105 \text{ (mét)}$$

Số mét vải bán được trong ngày thứ nhất là

$$105 + 63 = 168 \text{ (mét)}$$

b) Trong hai ngày cửa hàng thu được số tiền là

$$75\,000 \times (168 + 105) = 20\,475\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: a) Ngày thứ nhất 168 m

Ngày thứ hai 105 m

b) 20 475 000 đồng

Câu 4.

Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 136 m. Tính diện tích thửa ruộng đó biết nếu tăng chiều rộng 8 m và giảm chiều dài 8 m thì thửa ruộng đó trở thành hình vuông.

Phương pháp giải

- Tìm nửa chu vi của hình chữ nhật = Chu vi hình chữ nhật : 2
- Tìm hiệu giữa chiều dài và chiều rộng
- Tìm chiều dài và chiều rộng theo bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.
- Tìm diện tích thửa ruộng hình chữ nhật

Lời giải chi tiết

Nửa chu vi của hình chữ nhật là

$$136 : 2 = 68 \text{ (m)}$$

Nếu tăng chiều rộng 8 m và giảm chiều dài 8m thì thửa ruộng đó trở thành hình vuông nên chiều dài hơn chiều rộng số mét là

$$8 + 8 = 16 \text{ (mét)}$$

Chiều rộng của thửa ruộng là

$$(68 - 16) : 2 = 25 \text{ (m)}$$

Chiều dài của thửa ruộng là

$$68 - 25 = 43 \text{ (m)}$$

Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật là

$$25 \times 43 = 1075 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{Đáp số: } 1075 \text{ m}^2$$

Câu 5.

Người ta dùng 234 chữ số để đánh số trang của một quyển sách kể từ trang 1. Hỏi quyển sách đó dày bao nhiêu trang?

a) Từ trang 1 đến trang 9 có 9 trang gồm 1 chữ số

Từ trang 10 đến trang 99 có 90 trang gồm 2 chữ số.

Từ trang 1 đến trang 99 có số chữ số là:

$$1 \times 9 + 2 \times 90 = 189 \text{ (chữ số)}$$

Số chữ số để đánh các trang có 3 chữ số là:

$$234 - 189 = 45 \text{ (chữ số)}$$

Số các trang có 3 chữ số là:

$$45 : 3 = 15 \text{ (trang)}$$

Số trang của quyển sách là:

$$9 + 90 + 15 = 114 \text{ (trang)}$$

$$\text{Đáp số: } 114 \text{ trang}$$

-----**HẾT**-----

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com